

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT

Ngày 09 - 02 - 2023

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các thẩm phán:

Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLPT-DS ngày 19/10/2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án số 29/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXPT-DS ngày 26/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đinh Thế H, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Số A, Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trương Thanh D, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Bị đơn: bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1985, địa chỉ: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Trần Văn D – Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH MTV Nam S, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: Số 141 N, KĐT Vạn P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Đàm Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp 1, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1982, địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Kim T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đinh Thế H và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trương Thanh D thống nhất trình bày:

Ông H và bà T có mối quan hệ quen biết, bạn bè. Khoảng tháng 6 năm 2021, bà Trần Thị Kim T có nói với ông H là nhận chuyển nhượng nhà và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19 tại khu phố P, phường T, tp Đ, tỉnh Bình Phước nhưng thiếu tiền nên hỏi vay ông H số tiền 1.200.000.000đồng trong thời gian 01 tuần. Ông H không có tiền nhưng cũng vay mượn bên ngoài để cho bà T vay số tiền 1.200.000.000đồng.

Theo thoả thuận về việc vay tiền, ông H đã 10 lần chuyển khoản số tiền 1.000.000.000đồng cho bà T vào ngày 10/6/2021 qua dịch vụ Viettel Pay từ tài khoản ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) đến tài khoản của bà Trần Thị Kim T.

Do hạn mức giao dịch tài khoản của ông H chỉ được 1.000.000.000đồng trong 01 ngày nên ông H có nhờ bạn là Phạm Văn T và Đàm Văn T mỗi người chuyển cho bà T số tiền 50.000.000đồng.

Ngày 11/6/2021, ông H chuyển tiếp cho bà T số tiền 100.000.000đồng nữa.

Tổng số tiền ngày 10 và 11/6/2021, ông H đã chuyển khoản cho bà T đủ số tiền đủ 1.200.000.000đồng vay.

Việc thoả thuận vay mượn giữa ông H và bà T không lập giấy tờ chỉ thoả thuận miệng với nhau. Việc vay mượn các bên do quen biết nên không thoả thuận lãi suất.

Ông H đề nghị Toà án: Buộc bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Thế H số tiền vay gốc 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày 20/6/2021 đến nay là 49.800.000đồng (bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) (Ông H chỉ yêu cầu một mình bà T có nghĩa vụ trả tiền mà không yêu cầu ai khác có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả tiền) và không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông H có quan hệ quen biết vào ngày 28 tháng 5 năm 2021 vì là ngày sinh nhật bà T, ngày hôm đó bà T có mời giới cho ông H thửa đất nên quen nhau. Ông H có nói với bà T là mở chung quán cà phê tại đường H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, đất để mở quán là của ông H. Bà T nói không có tiền, ông H nói cứ mở để ông H đầu tư cho tiền để bà T mở quán và mở văn phòng giao dịch đất đai. Ông H thấy bà T là mẹ đơn thân nên cũng có tình cảm nam nữ để giúp đỡ bà T. Ông H có nhiều lần tỏ tình và tặng quà giá trị cho bà T.

Bà T có nhận số tiền 1.200.000.000 đồng của ông H vào ngày 10/6/2021 và ngày 11/6/2021 như ông H trình bày. Tuy nhiên đây không phải là số tiền vay mượn, Ông H chuyển khoản cho bà T tiền và nhờ bà T rút tiền 1.000.000.000 đồng để ông H đi nhận chuyển nhượng đất tại phường T vì ông H bận họp cơ quan. Ngay ngày 10/6/2021, bà T đã rút tiền 1.000.000.000 đồng tại quầy giao dịch MB Bank đường ĐT 741, phường T, tp. Đ, tỉnh Bình Phước và giao cho ông H tại quán cà phê nằm cạnh cơ quan ông H. Việc bà T đưa tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho ông H thì chỉ có 02 người mà không có ai biết và làm chứng. Số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là ông H nói tặng cho bà T để bà T làm quán cà phê bên cạnh cơ quan ông H. Lý do ông H cho bà T tiền là do ông H khi đó đang có tình cảm nam nữ với bà T và đang tìm hiểu bà T.

Bà T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Huế trình bày:

Bà H là vợ của ông Đinh Thế H và có mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị Kim T. Bà H thống nhất toàn bộ với lời trình bày của ông H và có ý kiến đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và không có yêu cầu nào khác.

Người làm chứng: ông Phạm Văn T và ông Đàm Văn T thống nhất trình bày:

Ông Phạm Văn T và ông Đàm Văn T là đồng nghiệp của ông H. Ngày 10/6/2021, ông T và ông T1 mỗi người có cho ông H vay số tiền 50.000.000 đồng để chuyển vào tài khoản của bà Trần Thị Kim T.

Nội dung vay mượn tiền giữa ông H và bà T thì ông T, ông T1 không biết. Ông T và ông T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày 20/6/2021 đến nay là 49.800.000 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) của nguyên đơn ông Đinh Thế H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Thế H.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Đinh Thế H số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T đề nghị phía nguyên đơn xem xét cho bà T được trả nợ định kỳ theo tháng.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Thanh D tự nguyện đồng ý để bà T có trách nhiệm trả số tiền 1.200.000.000 đồng theo phương án: từ ngày 09/02/2023 đến ngày 05/5/2023 bà T có trách nhiệm trả ông H 300 triệu đồng; từ ngày 06/5/2023 đến 05/8/2023 bà T có trách nhiệm trả cho ông H mỗi

tháng 300 triệu đồng vào các ngày từ mùng 01 đến ngày mùng 5 hàng tháng.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T; ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn về việc nguyên đơn đồng ý cho bà T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Kim T làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung tranh chấp:

[2] Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận trong 02 ngày 10/6/2021 và 11/6/2021 ông H có chuyển cho bà T 1,2 tỷ (1.200.000.000) đồng, trong đó ông H trực tiếp chuyển khoản cho bà T số tiền 1,1 tỷ đồng và nhờ ông Phạm Văn T, ông Đàm Văn T chuyển khoản giúp ông H cho bà T 100 triệu. Đây là tình tiết được các bên đương sự thống nhất, thừa nhận nên được coi là sự thật, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét kháng cáo của bà T:

[3] Bà T cho rằng: bà có nhận số tiền 1,2 tỷ của ông H vào hai ngày 10 và 11/6/2021 nhưng đây không phải là tiền ông H cho bà vay như ông H trình bày. Do ông H và bà T có quan hệ tình cảm nam nữ, vào hai ngày 10 và 11/6/2021 ông H bận việc họp cơ quan nên ông H đã chuyển khoản nhờ bà ra ngân hàng rút về giao tiền cho ông H để ông H đi nhận chuyển nhượng đất. Sau khi nhận tiền qua tài khoản, ngay ngày 10/6/2021 bà T đã ra ngân hàng rút 1.000.000.000 đồng tại quầy giao dịch MB Bank đường ĐT 741, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và giao cho ông H tại quán cà phê nằm cạnh cơ quan ông H. Đối với số tiền 200 triệu đồng còn lại, ông H đã nói tặng cho bà T để bà T làm quán cà phê bên cạnh cơ quan ông H. Vì vậy, bà T cho rằng bà không vay mượn tiền gì của ông H nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Còn phía nguyên đơn thì khẳng định, số tiền 1,2 tỷ ông H đã chuyển cho bà T là tiền bà T vay, không có việc ông H chuyển khoản để nhờ bà T đi rút ở ngân hàng, hoàn toàn không nhận số tiền 01 tỷ đồng do bà T giao tại quán cà phê cũng không có quan hệ nam nữ với bà T và không tặng cho bà T 200 triệu như bà T trình bày.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, bà T thừa nhận bà có nhận tiền của ông H, nhưng lại không có chứng cứ chứng minh việc bà đã giao lại cho ông H số tiền 01 tỷ và

được ông H tặng cho 200 triệu như bà trình bày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà T phải trả cho ông H số tiền 1,2 tỷ đồng là có cơ sở.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi suất: tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu về phần này. Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết là phù hợp pháp luật nên cần giữ nguyên quyết định về phần này của bản án sơ thẩm.

[6] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà T. Quyết định của Bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

[7] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, ông Nguyễn Thanh D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đồng ý cho bà T được trả số tiền 1,2 tỷ đồng theo phương thức: trong thời hạn từ ngày 09/02/2023 đến ngày 05/5/2023 bà T có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 300 triệu đồng; từ ngày 06/5/2023 trở đi bà T có trách nhiệm trả cho ông H mỗi tháng 300 triệu đồng trong thời hạn từ ngày mùng 01 đến ngày mùng 05 của các tháng 6, 7 và 8 năm 2023. Xét thấy, đây là sự tự nguyện, phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do việc ghi nhận này không thuộc trường hợp sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng chỉ cần bổ sung nội dung ghi nhận vào phần Quyết định của bản án phúc thẩm là phù hợp.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu: $36.000.000đ + 3\% (1.200.000.000đ - 800.000.000đ) = 48.000.000đ$; ông H không phải chịu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000đ.

[10] Trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà T về đề nghị nguyên đơn cho bà T được trả nợ theo thời hạn được phía nguyên đơn chấp nhận nên ý kiến của người bảo vệ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim T giữ nguyên Bản án số 29/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, bổ sung nội dung ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cho phép bị đơn được thanh toán nợ theo thời hạn.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 244, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 116, 117, 463, 465, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày 20/6/2021 đến nay là 49.800.000 (Bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) của nguyên đơn ông Đình Thế H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đình Thế H.

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Đình Thế H số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn về việc nguyên đơn đồng ý cho bị đơn bà Trần Thị Kim T được thanh toán khoản nợ trên theo phương án:

Trong thời hạn từ ngày 09/02/2023 đến ngày 05/5/2023, bà T có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng);

Kể từ ngày 06/5/2023, bà T có trách nhiệm trả cho ông H mỗi tháng 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) trong thời hạn từ ngày mùng 01 đến ngày mùng 05 của các tháng 6, 7 và 8 năm 2023.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn bà Trần Thị Kim T phải chịu 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng);

Nguyên đơn ông Đình Thế H không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả cho ông H số tiền 24.747.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004191 ngày 10/01/2022.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ mà bà T đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004523 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thành phố Đ;
- THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đình Thị Quý Chi